

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày 18/9/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản do  
chuyển giao nghĩa vụ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH G**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Thanh Nga.

*Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nay Phên.
- Ông Phùng Tiến Hồng.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh G.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh G tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản do chuyển giao nghĩa vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Đinh T, sinh năm 1972 và bà Phạm B, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: thôn 2, xã K, huyện P, tỉnh G. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông H, sinh năm 1960; địa chỉ: lô 18 Ngô Mây, phường Đoàn Kết, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

*Bị đơn:* Ông Phạm T1, sinh năm 1979 và bà Nguyễn D, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: thôn S, xã K, huyện P, tỉnh G. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm T2, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn S, xã K, huyện P, tỉnh G. Có mặt.

*Người làm chứng:* Ông Phạm H, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện P, tỉnh G. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 29/9/2021, vợ chồng ông Phạm T1 và bà Nguyễn D có đến nhà bà Phạm T2 để nhận nợ tiền vay của vợ chồng Đinh T và bà Phạm B số tiền 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng). Hai bên có viết Giấy khát nợ ngày 29/9/2021 và hẹn tới mùa mía là ngày 30/02/2022 sẽ trả, thoả thuận lãi suất là 01%/tháng. Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn trả nhưng ông T1 và bà D vẫn chưa trả nợ cho ông T và bà B mặc dù ông T, bà B đã đòi nhiều lần; ông T1 bà D có nói “Chú đòi bây giờ thì lên bà T2 mà đòi chứ vợ chồng tôi không có tiền lúc này”. Thực tế số tiền 820.000.000 đồng có nguồn gốc từ việc chuyển nợ tiền vay từ bà T2 nợ tiền của ông T, bà B qua cho ông T1, bà D. Bà Phạm T2 vay số tiền này của ông T và bà B để đưa lại cho vợ chồng ông T1 bà D vay nên vào ngày 29/9/2021 giữa 3 bên gồm ông T, bà B cùng với ông T1, bà D và bà T2 đã thoả thuận chuyển giao nghĩa vụ là chuyển số nợ này từ bà T2 qua cho vợ chồng ông T1 và bà D, nghĩa là vợ chồng ông T1 bà D nhận nợ trực tiếp với ông T và bà B. Việc thoả thuận này có sự chứng kiến của ông Phạm H. Vì vậy, ông T và bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 và bà D trả cho ông T và bà B số tiền gốc 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày 29/9/2021 đến khi trả nợ với lãi suất 01%/tháng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: ông T và bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T1 và bà D phải trả cho ông T và bà B số tiền gốc 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày vay 29/9/2021 với lãi suất 01%/tháng tạm tính đến ngày 18/9/2024 làm tròn là 35 tháng, thành tiền là: 287.000.000 đồng; tổng cộng là 1.107.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo của số tiền gốc đến ngày trả xong nợ.

*\* Tại bản tự khai ngày 03/5/2024, ngày 09/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm T1 và bà Nguyễn D thống nhất trình bày: Ông bà công nhận vợ chồng ông bà có thoả thuận với vợ chồng ông Đinh T và bà Phạm B theo nội dung trong Giấy khát nợ ngày 29/9/2021. Thực tế số tiền 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) mà ông T và bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả có nguồn gốc là từ khoản nợ tiền vay mà ông bà nợ bà Phạm T2 và bà T2 có vay mượn của vợ chồng ông T và bà B nên bà T2 nói với ông bà rằng bà T2 vay mượn tiền của nhà B - T, nói vợ chồng ông bà nhận nợ trực tiếp món nợ của nhà B - T. Ông H cũng nói với ông bà là đến nhận nợ nhà Biên Thực thì bà T2 sẽ không kiện tụng nữa. Vì vậy ngày 29/9/2021, ông bà đến nhà bà T2 để nhận nợ với ông T*

và bà B. Tại đây, ông bà cùng với ông T bà B và bà T2 thống nhất chuyển số nợ từ bà T2 vay mượn của bà B ông T sang vợ chồng ông bà vì số tiền đó bà T2 vay của vợ chồng ông T bà B để đưa lại cho vợ chồng ông bà vay. Vì vậy ông bà và ông T, bà B đã viết Giấy khát nợ ngày 29/9/2021 có nội dung: vợ chồng ông bà có mượn vợ chồng ông T bà B số tiền 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) và hạn tới mùa mía là ngày 30/02/2022 sẽ trả, thoả thuận lãi suất là 01%/tháng. Khi đó có ông H chứng kiến. Tuy nhiên đến ngày hôm sau tức là ngày 30/9/2021, ông T bà B đã đến nhà ông bà để đòi tiền nên vợ chồng ông bà không có tiền trả. Từ đó đến nay, ông bà làm ăn khó khăn và nợ nhiều người nên không thể trả được nợ cho ông T và bà B theo thoả thuận.

Tại phiên hoà giải ngày 14/8/2024, ông bà chỉ đồng ý trả cho ông T và bà B số tiền nợ gốc 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) nhưng xin trả dần hàng năm, mỗi năm trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Còn tiền lãi thì đề nghị ông T và bà B bỏ qua, không tính lãi nữa vì hiện nay hoàn cảnh ông bà khó khăn nên không đủ khả năng để trả lãi, vợ chồng ông bà cố gắng trả dần số tiền gốc 820.000.000 đồng. Nếu ông T và bà B không đồng ý phương án trả dần này thì ông bà không đồng ý trả số nợ này nữa vì nay ông bà không còn tài sản gì để trả; đề nghị ông T và bà B đòi tiền bà T2 vì ông T bà B đưa tiền trực tiếp cho ai thì đòi người đó.

Tại phiên toà, bà D và ông T1 không đồng ý trả nợ cho ông T và bà B và đề nghị ông T và bà B đòi tiền bà T2.

*\* Tại bản tự khai ngày 15/7/2024, ngày 04/8/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm T2 trình bày: Số tiền 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) mà ông T và bà B khởi kiện yêu cầu bà D và ông T1 trả có nguồn gốc là từ khoản nợ tiền vay của bà vay ông T và bà B rồi đưa lại cho bà D ông T1 vay nên bà nói với vợ chồng bà D và ông T1 là bà vay mượn tiền của nhà B – T nên bảo bà D và ông T1 nhận món nợ của nhà B - T là bà không kiện tụng khoản nợ này nữa. Vì vậy ngày 29/9/2021, vợ chồng bà D và ông T1 đến nhà bà để nhận nợ với ông T và bà B. Tại đây, bà D và ông T1 cùng với vợ chồng ông T bà B và bà thống nhất chuyển số nợ từ bà vay mượn của bà B ông T sang vợ chồng ông T1 bà D. Giữa vợ chồng ông T1, bà D và vợ chồng ông T bà B viết Giấy khát nợ ngày 29/9/2021 có nội dung: vợ chồng ông T1, bà D có mượn vợ chồng ông T, bà B số tiền 820.000.000 đồng và hạn tới mùa mía là ngày 30/02/2022 sẽ trả, thoả thuận lãi suất là 01%/tháng. Số tiền trên đã được bà trừ ra trong khoản nợ mà bà khởi kiện bà D phải trả bà ở vụ án dân sự khác (đã có Bản án số 60/2024/DSPT ngày 27/5/2024 của TAND tỉnh G). Trong vụ án đó, bà đã trừ ra số tiền 820.000.000đ là tiền vợ chồng ông T1, bà D nợ bà, chuyển qua nhận nợ cho ông T và bà B. Như vậy, nay bà không còn trách nhiệm với số tiền*

này nữa.

Nay, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T và bà B khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà D trả số tiền gốc 820.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận trong giấy khất nợ.

*\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 275, 370, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T1 và bà D phải trả cho ông T và bà B số tiền nợ gốc 820.000.000 đồng và số tiền lãi 287.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 1.107.000.000 đồng. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T1 và bà D chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Đinh T và bà Phạm B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh G giải quyết buộc ông Phạm T1 và bà Nguyễn D (Trú tại thôn S, xã K, huyện P, tỉnh G) phải trả khoản nợ tiền vay cùng với lãi suất. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản do chuyển giao nghĩa vụ, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh G theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Các bên đương sự là ông T, bà B; ông T1, bà D và bà T2 đều thừa nhận việc bà T2 có vay của ông T và bà B số tiền 820.000.000 đồng sau đó bà T2 cho bà D và ông T1 vay lại nên vào ngày 29/9/2021, ba bên đã thống nhất bà D và ông T1 nhận nợ tiền vay trực tiếp với ông T và bà B bằng “Giấy khất nợ”. Xét thấy, việc chuyển giao nghĩa vụ giữa bà T2 với bà D và ông T1 đối với bên có quyền-bên cho vay là ông T và bà B là có thật, hoàn toàn tự nguyện và có sự đồng ý của bên có quyền. Đây là thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định từ thời điểm chuyển giao nghĩa vụ là ngày 29/9/2021 thì bên thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ đối với khoản tiền vay 820.000.000 đồng của ông T và bà B là bà D và ông T1.

Xét “Giấy khất nợ” đề ngày 29/9/2021 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án: Cả ông T, bà B, ông T1, bà D và bà T2 đều thừa nhận các bên đã thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ và viết Giấy khất nợ này với nội dung vợ chồng ông T1 và bà D có mượn vợ chồng ông T và bà B số tiền 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) và hẹn tới mùa mía là ngày 30/02/2022 sẽ trả, thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông T1 và bà D chưa trả tiền cho ông T và bà B là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên ông T và bà B khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà D có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về yêu cầu trả tiền lãi: Ngoài yêu cầu trả số tiền gốc, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi của số tiền gốc 820.000.000 đồng với lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 29/9/2021 cho đến ngày xét xử ngày 18/9/2024 là 35 tháng 19 ngày nhưng làm tròn là 35 tháng, thành tiền là:  $820.000.000đ \times 1\%/tháng \times 35 tháng = 287.000.000$  đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày xét xử trên số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả hết nợ với lãi suất 01%/tháng. Khoản nợ trên là khoản vay có kỳ hạn và có lãi nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn và quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét mức lãi suất 01%/tháng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; việc làm tròn thời gian tính lãi 35 tháng là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn. Vì vậy, yêu cầu trả tiền lãi như trên của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên có đủ căn cứ để xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 820.000.000 đồng, tiền lãi 287.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày xét xử trên số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả hết nợ với lãi suất 01%/tháng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 278; Điều 280; Điều 370; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh T và bà Phạm B.

Buộc ông Phạm T1 và bà Nguyễn D có nghĩa vụ trả cho ông Đinh T và bà Phạm B số tiền nợ gốc là 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 29/9/2021 đến ngày 18/9/2024 với lãi suất 01%/tháng là 287.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng), tổng cộng là 1.107.000.000đ (Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất 01%/tháng.*

2. Về án phí: Buộc ông Phạm T1 và bà Nguyễn D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 45.210.000đ (Bốn mươi lăm triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Đinh T và bà Phạm B tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 21.990.000đ (Hai mươi một triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003764 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, tỉnh G.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/9/2024), nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Đại diện UQ của nguyên đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

*(đã ký)*

**Mai Thị Thanh Nga**

